

Số: 33/TANDTC-HTQT

V/v về công tác tương trợ tư pháp, tổng đạt
văn bản tố tụng ra nước ngoài

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

1. Để bảo đảm thuận tiện cho công tác tương trợ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao cập nhật các Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Trang tin **TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP** trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.

Các Hiệp định/Thỏa thuận nêu trên được đăng tải tại Trang tin **TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP** theo từng lĩnh vực cụ thể: **DÂN SỰ, HÌNH SỰ, DẪN ĐỘ VÀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI ĐANG CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ** tại địa chỉ sau đây: <http://tttp.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tttp/home>.

Danh sách các Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp được liệt kê tại Bảng số 1 kèm theo Công văn này.

2. Trường hợp Tòa án gửi hồ sơ theo đường bưu chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 (a) của Công ước tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước tổng đạt giấy tờ), Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri (có hiệu lực từ ngày 6/03/2019), các Tòa án cần lưu ý một số điểm sau đây:

a) Theo quy định tại Điều 10 (a) của Công ước tổng đạt giấy tờ, nếu nước nơi đương sự có địa chỉ không phản đối, thì nước khác có thể tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo đường bưu chính, không phân biệt đương sự đó là tổ chức hoặc cá nhân có quốc tịch nước tổng đạt, nước sở tại hoặc không quốc tịch.

Do đó, Tòa án có thể gửi hồ sơ theo đường bưu chính cho các đương sự là công dân Việt Nam, công dân Việt Nam có cả quốc tịch nước khác, người nước ngoài, tổ chức nước ngoài có địa chỉ tại các nước không phản đối nước khác tổng đạt văn bản tố tụng theo Điều 10 (a) của Công ước tổng đạt giấy tờ. Danh sách các nước này đã được Tòa án nhân dân tối cao cung cấp tại Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 21/02/2017, Công văn số 101/TANDTC-HTQT ngày 25/6/2020 và tại Công văn này.

Hung-ga-ri là nước tuyên bố phản đối nước khác tổng đạt văn bản theo quy định của Điều 10 (a) của Công ước tổng đạt giấy tờ. Tuy nhiên, tại Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri có quy định về việc cho phép Tòa án nước này áp dụng phương thức tổng đạt theo đường bưu chính cho đương sự ở nước kia. Do đó, Tòa án có thể tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự có địa chỉ tại Hung-ga-ri theo đường bưu chính theo điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 10 Hiệp định tương trợ tư pháp nêu trên;

b) Trong hồ sơ gửi theo đường bưu chính, Tòa án không phải lập văn bản yêu cầu ủy thác tư pháp theo Mẫu 2A hoặc 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số

12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

c) Hồ sơ phải được dịch, có công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước nêu tại điểm a Mục 2 của Công văn này hoặc ngôn ngữ được nước đó chấp nhận đối với trường hợp đương sự là người nước ngoài, tổ chức nước ngoài. Trường hợp đương sự ở nước ngoài có nhiều quốc tịch, trong đó có quốc tịch Việt Nam, thì hồ sơ được lập bằng tiếng Việt, không phải dịch ra tiếng nước ngoài;

d) Trong hồ sơ, Tòa án cần có văn bản yêu cầu đương sự thực hiện việc chứng thực chữ ký, hợp pháp hóa lãnh sự, dịch giấy tờ, tài liệu mà họ gửi cho Tòa án theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trường hợp đương sự ở nước ngoài là công dân Việt Nam, Tòa án cần nêu rõ trong văn bản: nếu vì lý do khách quan mà không thể đến Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài để chứng thực chữ ký trên giấy tờ, tài liệu do đương sự lập, thì đương sự chuyển sang thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu đó theo hướng dẫn công bố trên trang thông tin của Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài;

Ví dụ: đối với công dân Việt Nam cư trú tại Hoa Kỳ, Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hướng dẫn đương sự yêu cầu hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu để thay thế việc chứng thực chữ ký trên giấy tờ, tài liệu tại Mục: **Thủ tục hợp pháp hóa và chứng thực bản sao giấy tờ, tài liệu** tại Trang thông tin điện tử của Đại sứ quán <<http://vietnamembassy-usa.org/vi/lanhsu/hop-phap-hoa-va-chung-nhan-giay>> như sau:

“1. Hợp pháp hóa (legalization)

Đối với việc chứng nhận, công chứng chữ ký hoặc giấy tờ ủy quyền, Đại sứ quán chỉ thực hiện đối với khách đến ký trực tiếp tại trụ sở Đại sứ quán (xem thủ tục công chứng, chứng thực chữ ký hoặc giấy tờ ủy quyền).

Trường hợp không thể trực tiếp đến Đại sứ quán, Quý vị có thể làm thủ tục theo các bước sau:

- Ký giấy tờ trước mặt công chứng viên Hoa Kỳ;
- Xin chứng nhận tại Bộ Ngoại giao Tiểu bang (State level - Department of State), địa chỉ liên hệ các Bộ Ngoại giao Tiểu bang **tại tại đây**;
- Gửi qua đường bưu điện đến ĐSQ làm thủ tục hợp pháp hóa giấy tờ của Hoa Kỳ để mang về Việt Nam sử dụng (xem thủ tục ở dưới).”

đ) Khi thực hiện việc gửi hồ sơ theo đường bưu chính, Tòa án cần sử dụng loại dịch vụ bưu phẩm bảo đảm có gắn số hiệu để định vị, theo dõi quá trình chuyển phát. Để nhận kết quả chuyển phát bưu phẩm, Tòa án đề nghị công ty bưu chính hướng dẫn cách sử dụng mã phiếu gửi/mã bưu gửi (là dãy số hoặc dãy số cùng chữ cái in trên phiếu gửi/bưu gửi) để tra cứu trực tuyến, in ra thông báo kết quả chuyển phát bưu phẩm. Đây là căn cứ để Tòa án xác định đã hoàn thành việc tổng đạt hoặc phải tiếp tục tổng đạt lại văn bản tố tụng.

Trên đây là một số thông tin phục vụ công tác tương trợ tư pháp, tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho đương sự ở nước ngoài để giải quyết vụ việc dân sự, hành chính có yếu tố nước ngoài tại các Tòa án.

Trường hợp muốn trao đổi nghiệp vụ về ủy thác tư pháp ra nước ngoài, tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính, các Tòa án gửi văn bản về Tòa án nhân dân tối

cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế, 48 Lý Thường Kiệt, Hà Nội) hoặc liên hệ đồng chí Lê Mạnh Hùng, Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế theo số điện thoại: 024.38250117 hoặc 0976437814; email: hunglm@toaan.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c PCA TANDTC (để b/c);
- Các đ/c Thẩm phán TANDTC (để biết);
- Trang thông tin Tương trợ tư pháp, Cổng thông tin điện tử TANDTC (để đăng);
- Trang thông tin điện tử của các TAND cấp tỉnh, TAND cấp cao (để đăng);
- Đ/c Vụ trưởng VHTQT (để b/c);
- Lưu VT, PLQT, HTQT (TANDTC).

**TL. CHÁNH ÁN
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Lê Mạnh Hùng

**BẢNG SỐ 1**

DANH SÁCH CÁC HIỆP ĐỊNH/THỎA THUẬN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ, HÌNH SỰ, DẪN ĐỘ, CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TỬ TÍNH ĐẾN NGÀY 17/3/2021 (Ban hành kèm theo Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao).

HIỆP ĐỊNH CHUNG				
TT	Tên Hiệp định	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Cu-ba	30/11/1984	19/9/1987	
2	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri	18/01/1985	5/7/1987	Hết hiệu lực kể từ ngày 06/03/2019
3	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri	03/10/1986	5/7/1987	
4	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc (Cộng hòa Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa)	12/10/1982	16/4/1994	
5	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ba Lan	22/3/1993	18/01/1995	
6	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	19/10/1998	25/12/1999	
7	Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	06/7/1998	19/02/2000	
8	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bê-la-rút	14/9/2000	18/10/2001	
9	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng	6/4/2000	19/8/2002	



	hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và U-crai-na			
10	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ	17/4/2000	13/6/2002	
11	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên về tương trợ tư pháp và pháp lý trong các vấn đề dân sự và hình sự	04/5/2002	24/02/2004	
12	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự	25/8/1998	27/8/2012	
13	Nghị định thư bổ sung Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự	23/4/2003	27/7/2012	
HIỆP ĐỊNH/THỎA THUẬN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ				
	Tên Hiệp định	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp	24/02/1999	5/01/2001	
2	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa An-giê-ri dân chủ và nhân dân	14/4/2010	24/6/2012	
3	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan	31/10/2011	28/6/2015	
4	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	21/01/2013	9/10/2014	
5	Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri	10/9/2018	06/3/2019	

6	Thoả thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hoá Đài Bắc tại Việt Nam về tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự	12/4/2010	02/12/2011	
HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ				
	Tên Hiệp định	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc	15/9/2003	19/4/2005	
2	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ	8/10/2007	17/11/2008	
3	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen về tương trợ tư pháp về hình sự	13/01/2009	30/9/2009	
4	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ và nhân dân An-giê-ri	14/4/2010	28/3/2014	
5	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	27/6/2013	21/01/2016	
6	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ôt-xtrây-li-a	02/7/2014	05/4/2017	
7	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha	18/9/2015	08/7/2017	
8	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri	16/3/2016	30/6/2017	
9	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp	06/9/2016	01/5/2020	
10	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan	15/6/2017	01/6/2019	
11	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	20/12/2016	02/10/2020	

12	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Cu ba	29/3/2018	29/9/2018	
13	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Mô-dăm bích	03/12/2018	11/9/2020	
14	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	8/01/2020	18/02/2021	
HIỆP ĐỊNH VỀ DẪN ĐỘ				
	Tên Hiệp định	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại hàn dân quốc	15/9/2003	19/4/2005	
2	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ và nhân dân An-giê-ri	14/4/2010	28/3/2014	
3	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ	12/10/2011	12/8/2013	
4	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ôt-xơ-rây-li-a	10/4/2012	07/4/2014	
5	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	27/6/2013	26/4/2015	
6	Hiệp định về dẫn độ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	23/12/2013	9/10/2014	
7	Hiệp định về dẫn độ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha	01/10/2014	01/5/2017	
8	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri	16/9/2013	30/6/2017	
9	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa dân chủ Xri-lan-ca	07/4/2014	01/12/2017	
10	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	07/4/2015	12/12/2019	
11	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa	06/9/2016	01/5/2020	

	xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp			
12	Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-đắc-xtan về dẫn độ	15/6/2017	15/11/2019	
13	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ	10/7/2019	Chưa có hiệu lực	
14	Hiệp định về dẫn độ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Mô-dăm-bích	9/12/2019	Chưa có hiệu lực	
HIỆP ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ				
	Tên Hiệp định	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen về chuyển giao người bị kết án phạt tù	12/9/2008	20/9/2009	
2	Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ôt-xtrây-li-a về chuyển giao người bị kết án phạt tù	13/10/2009	11/12/2009	
3	Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc về chuyển giao người bị kết án phạt tù	29/5/2009	30/8/2010	
4	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan về chuyển giao người bị kết án phạt tù	03/3/2010	19/7/2010	
5	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri	16/9/2013	30/6/2017	
6	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa và nhân dân Xri-lan-ca	07/4/2014	16/5/2017	
7	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha	01/10/2014	01/5/2017	
8	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về chuyển giao người bị kết án phạt tù	12/11/2013	15/5/2017	
9	Hiệp định chuyển giao người bị kết	01/11/2013	01/12/2020	



	án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ			
10	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	20/12/2016	01/10/2020	
11	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Séc	07/6/2017	2/7/2019	
12	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản	01/7/2019	19/8/2020	
13	Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ	16/10/2018	Chưa có hiệu lực	
14	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mô-dăm-bích	9/12/2019	Chưa có hiệu lực	
15	Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	04/01/2020	Chưa có hiệu lực	



BẢNG SỐ 2

DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ KHÔNG PHẢN ĐỐI VIỆC TỔNG ĐẠT THEO ĐƯỜNG BÙU CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 10 (a) CỦA CÔNG ƯỚC

(Ban hành kèm theo Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

	TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC
1.	An-ba-ni (Albania)	23	I-xra-en (Israel)
2.	An-ti-go-a và Béc-bu-đa (Antigua and Barbuda)	24	I-ta-li-a (Italy)
3.	Ác-mê-ni-a (Armenia)	25	An-đô-ra (Andorra)
4.	Ôt-xtrây-li-a (Australia)	26	Ca-dắc-xtan (Kazakhstan)
5.	Ba-ha-mát (Bahamas)	27	Lát-vi-a (Latvia)
6.	Bác-ba-đốt (Barbados)	28	Lúc-xăm-bua (Luxembourg)
7.	Bê-la-rút (Belarus)	29	Ma-la-uy (Malawi)
8.	Bỉ (Belgium)	30	Ma-rốc (Morocco)
9.	Bê-li-xê (Belize)	31	Hà Lan (Netherlands)
10.	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na (Bosnia and Herzegovina)	32	Pa-ki-xtan (Pakistan)
11.	Bốt-xoa-na (Botswana)	33	Bồ Đào Nha (Portugal)
12.	Ca-na-đa (Canada)	34	Ru-ma-ni (Romania)
13.	Cô-lôm-bi-a (Colombia)	35	Xanh-vin-xen và Grê-na-din (Saint Vincent and the Grenadines)
14.	Hồng Kông (Trung Quốc)	36	Xây-sen (Seychelles)
15.	Ma Cao (Trung Quốc)	37	Xlô-ve-ni-a (Slovenia)
16.	Síp (Cyprus)	38	Tây Ban Nha (Spain)
17.	Đan Mạch (Denmark)	39	Thụy Điển (Sweden)
18.	Ex-tô-ni-a (Estonia)	40	Vương quốc Anh (United Kingdom)
19.	Phần Lan (Finland)	41	Hoa Kỳ (United States of America).
20.	Pháp (France)	42	Ai-len (Ireland)
21.	Ai-xơ-len (Iceland)	43	Tuy-ni-di (Tunisia)
22.	Cốt-xta-ri-ca (Costa Rica)		

BẢNG SỐ 3**DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ PHẢN ĐỐI VIỆC TỔNG ĐẠT THEO ĐƯỜNG BƯU CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 10 (a) CỦA CÔNG ƯỚC**

(Ban hành kèm theo Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân tối cao)

TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC	
1.	Bun-ga-ri (Bulgaria)	19	Cô-oét (Kuwait)
2.	Áo (Austria)	20	Lít-va (Lithuania)
3.	Trung Quốc (China)	21	Man-ta (Malta)
4.	Séc (Czech Republic)	22	Mê-hi-cô (Mexico)
5.	Xlô-va-ki-a (Slovakia)	23	Mô-na-cô (Monaco)
6.	Ba Lan (Poland)	24	Môn-tê-nê-grô (Montenegro)
7.	Liên bang Nga (Russian Federation)	25	Na Uy (Norway)
8.	U-crai-na (Ukraine)	26	Môn-đô-va (Moldova)
9.	Ác-hen-ti-na (Argentina)	27	Xan-ma-ri-nô (San Marino)
10.	Cờ-roát-ti-a (Croatia)	28	Xéc-bi-a (Serbia)
11.	Ả Rập Ai Cập (Egypt)	29	Xri-lan-ca (Sri Lanka)
12.	Đức (Germany)	30	Thụy sỹ (Switzerland)
13.	Hy Lạp (Greece)	31	Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia)
14.	Ấn Độ (India)	32	Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)
15.	Hàn Quốc (Korea)	33	Vê-nê-du-ê-la (Venezuela).
16.	Nhật Bản (Japan)	34	Bra-xin (Brasin)
17.	Ni-ca-ra-go-a (Nicaragua)	34	Marsall Islands
18.	Hung-ga-ri (Hungary)		